|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **TỈNH BẮC GIANG** | **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
|  |  |
|  |  |
| Số: /2022/NQ-HĐND | *Bắc Giang, ngày tháng năm 2022* |
| ***"DỰ THẢO 2"*** |  |

**NGHỊ QUYẾT**

**Ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025, tỉnh Bắc Giang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

**KHÓA…., KỲ HỌP THỨ…..**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19 tháng 06 năm 2020 của Quốc hội về việc Phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030;*

*Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Quyết định số 39/2021/QĐ- TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;*

*Căn cứ Thông tư số...../TT-BTC ngày ... của Bộ Tài Chính về Quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;*

*Căn cứ Thông tư số...../TT-UBDT ngày ... của Ủy ban Dân tộc về Hướng dẫn thực hiện Dự án 1; Dự án 2; Tiểu dự án 2 của Dự án 3; Dự án 4; Tiểu dự án 2, Tiểu dự án 4 của Dự án 5; Dự án 9 và Tiểu dự án 1, Tiểu dự án 2 của Dự án 10 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;*

*Xét Tờ trình số…./TTr-UBND ngày tháng năm 2022 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy địnhnguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025, tỉnh Bắc Giang.

**Điều 2.** Giao cho UBND tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang khóa XIX, kỳ họp thứ .... thông qua ngày…..tháng năm 2022 và có hiệu lực từ ngày … tháng …. năm 2022 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chính phủ; - Vụ pháp luật: Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chính phủ; - Vụ pháp chế - Bộ Kế hoạch và Đầu tư;  - Vụ pháp chế - Bộ Tài chính;  - Vụ pháp chế - UBDT;  - Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp; - Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh; - Đoàn ĐBQH tỉnh Bắc Giang; - Ủy ban MTTQ Việt Nam và các tổ chức CT-XH tỉnh; - Các cơ quan, sở, ban, ngành tỉnh; - Các đại biểu HĐND tỉnh khóa XIX; - Thường trực: Huyện ủy, HĐND, UBND các huyện, thành phố; - Các Tổ chức chính trị xã hội - Nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh; - Cổng thông tin Đại biểu dân cử Bắc Giang; - Trung tâm thông tin, Văn phòng UBND tỉnh; - Lãnh đạo, chuyên viên VP. Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh; - Lưu: VT, CTHĐND. | **CHỦ TỊCH**  **Lê Thị Thu Hồng** |

|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **TỈNH BẮC GIANG** | **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
|  |  |
|  |  |
| Số: /2022/NQ-HĐND | *Bắc Giang, ngày tháng năm 2022* |
|  |  |
| ***"DỰ THẢO 2"*** |  |

**QUY ĐỊNH**

**Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng**

**đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030,**

**giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025, tỉnh Bắc Giang**

*(Kèm theo Nghị quyết số /2022/NQ -HĐND ngày tháng năm 2022*

*của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang)*

**Điều 1.** **Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức và phương pháp phân bổ vốn nguồn ngân sách trung ương; mức đối ứng và nội dung phân bổ nguồn vốn ngân sách tỉnh; quy định mức hỗ trợ đối với một số nội dung sử dụng kinh phí sự nghiệp để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025, tỉnh Bắc Giang (sau đây gọi tắt là Chương trình); là căn cứ để lập, thẩm định và giao kế hoạch đầu tư trung hạn và hàng năm nguồn ngân sách nhà nước của Chương trình cho các cấp, các ngành và đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Các cơ quan, Sở, ban, ngành của tỉnh; các huyện, xã và các đơn vị sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình *(sau đây gọi tắt là sở, ngành tỉnh và huyện, xã).*

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc lập, thẩm định và giao kế hoạch vốn trung hạn và hằng năm nguồn vốn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình.

3. Các cơ quan, đơn vị có liên quan đến việc quản lý, giám sát, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán việc thực hiện Chương trình.

**Điều 3. Nguyên tắc phân bổ vốn**

1. Tuân thủ theo quy định của Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019, Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (*sau đây gọi tắt là Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg*) và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2. Phân bổ vốn phải bám sát các mục tiêu và chỉ tiêu cụ thể của Chương trình nhằm đảm bảo hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra; bảo đảm đúng đối tượng, đúng nội dung, không vượt quá tổng mức vốn đầu tư và không thay đổi cơ cấu nguồn vốn của Chương trình.

3. Ưu tiên bố trí vốn thực hiện nhiệm vụ có trọng tâm, trọng điểm, đạt các mục tiêu của Chương trình đề ra. Ưu tiên bố trí cho địa bàn khó khăn nhất, địa phương có số thu ngân sách thấp nhất; các dự án đầu tư xây dựng công trình có tác động, tạo động lực lớn nhất đến phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, phù hợp với mục tiêu phân bổ nguồn vốn đầu tư công giai đoạn 2021 – 2025; giải quyết các vấn đề cấp bách, ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo, các nhóm dân tộc thiểu số còn khó khăn.

## 4. Việc phân bổ vốn phải đáp ứng yêu cầu quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách của Chương trình; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho các sở, ngành tỉnh và các cấp chính quyền huyện, xã.

5. Bảo đảm công khai, minh bạch, đơn giản, dễ hiểu, dễ tính toán, dễ áp dụng, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính và tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, thực hành tiết kiệm, chống thất thoát, lãng phí.

**Điều 4. Tiêu chí, định mức và phương pháp phân bổ nguồn vốn ngân sách trung ương**

1. Tiêu chí, định mức phân bổ nguồn vốn ngân sách trung ương (vốn đầu tư và vốn sự nghiệp) cho các sở, ngành tỉnh và huyện, xã thực hiện Chương trình được quy định chi tiết theo 10 dự án tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này.

2. Phương pháp phân bổ nguồn vốn ngân sách trung ương của huyện, xã: thực hiện theo Điều 5, Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg.

**Điều 5. Mức đối ứng và nội dung phân bổ nguồn vốn đối ứng từ ngân sách tỉnh**

1. Mức đối ứng từ nguồn vốn ngân sách tỉnh

Ngân sách tỉnh đối ứng 100% số vốn theo tỷ lệ phần trăm (%) quy định tại Điều 6, Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg để thực hiện Chương trình.

2. Nội dung phân bổ nguồn vốn đối ứng từ ngân sách tỉnh

a) Hỗ trợ hộ dân tộc thiểu số nghèo, hộ nghèo dân tộc Kinh sinh sống tại các xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn với mức 04 triệu đồng/hộ để giải quyết tình trạng thiếu đất ở, 04 triệu đồng/hộ làm nhà ở.

b) Hỗ trợ 100% số vốn còn thiếu theo dự án được duyệt (ngoài nguồn vốn của trung ương) đối với Dự án đầu tư xây dựng các trường phổ thông dân tộc nội trú do tỉnh quản lý, gồm: Trường phổ thông dân tộc nội trú tỉnh Bắc Giang, Trường phổ thông dân tộc nội trú huyện Sơn Động và Trường phổ thông dân tộc nội trú huyện Lục Ngạn.

c) Hỗ trợ theo tỷ lệ phần trăm (%) trên tổng số vốn ngân sách trung ương hỗ trợ đầu tư xây dựng các trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú do cấp huyện quản lý: không quá 90% đối với huyện Sơn Động và Yên Thế; không quá 80% đối với huyện Lục Ngạn; không quá 50% đối với huyện Lục Nam.

d) Hỗ trợ đối với các dự án đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp đường giao thông đến trung tâm xã, đường liên xã: không quá 1.600 triệu đồng/km đối với huyện Sơn Động và Yên Thế; không quá 1.000 triệu đồng/km đối với huyện Lục Ngạn; không quá 800 triệu đồng/km đối với huyện Lục Nam.

đ) Hỗ trợ thực hiện chế độ, chính sách đối với người có uy tín trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số theo quy định tại Nội dung số 1, Tiểu dự án 1, Dự án 10 của Chương trình.

e) Hỗ trợ đối với Dự án 2 về Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết; Nội dung số 2, Tiểu dự án 2, Dự án 3 thuộc Chương trình về đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý trên địa bàn huyện Sơn Động.

**Điều 6. Quy định mức hỗ trợ đối với một số nội dung sử dụng kinh phí sự nghiệp để thực hiện Chương trình**

1. Các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị được hỗ trợ một lần, mức hỗ trợ tối đa: không quá 2.000 triệu đồng/dự án liên kết hoặc kế hoạch đề nghị liên kết triển khai trên địa bàn từ 02 huyện trở lên; không quá 1.500 triệu đồng/dự án liên kết hoặc kế hoạch đề nghị liên kết triển khai trên địa bàn từ 02 xã trở lên; không quá 1.000 triệu đồng/dự án liên kết hoặc kế hoạch đề nghị liên kết triển khai trên địa bàn 01 xã.

2. Các hộ tham gia dự án được hỗ trợ một lần, mức hỗ trợ tối đa: không quá 30 triệu đồng/hộ đối với hộ nghèo; hộ cận nghèo bằng 80% mức hỗ trợ hộ nghèo và tối đa không quá 24 triệu đồng/hộ; hộ mới thoát nghèo bằng 60% mức hỗ trợ hộ nghèo và tối đa không quá 18 triệu đồng/hộ.

3. Hỗ trợ đối với người tham gia hoạt động tuyên truyền, huy động người mù chữ, tái mù chữ đến lớp xóa mù chữ: mức hỗ trợ 100.000 đồng/người đến lớp và hoàn thành khóa học.

**Điều 7. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh**

1. Tổ chức lập, thẩm định và giao kế hoạch vốn trung hạn và hằng năm cho các sở, ngành tỉnh, huyện, xã theo đúng nguyên tắc, tiêu chí, định mức, phương pháp và nội dung phân bổ vốn ngân sách nhà nước tại Quy định này.

2. Tổ chức kiểm tra, thanh tra, giám sát việc quản lý, sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình.

**Điều 8. Điều khoản thi hành**

Khi các văn bản dẫn chiếu để quy định về chế độ, định mức chi tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Trong quá trình thực hiện, có vấn đề mới phát sinh, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định./.